**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

**TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 2**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM LỚP MẦM 1**

**NĂM HỌC: 2023-2024**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | | |
| **I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC** | | | |
| - Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.  **- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại**  - Trẻ sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày.  **- Trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.**  - Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.  **- Trẻ làm quen và có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết** | | | |
| **II. NỘI DUNG GIÁO DỤC**  **NĂM HỌC** | **CÁC HÌNH THỨC GIÁO DỤC** | | |
| **GIỜ HỌC** | **SINH HOẠT** | **CHỦ ĐỀ - SỰ KIỆN LỄ HỘI** |
| **1. Nghe hiểu lời nói**  - Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm,tính chất, hoạt động, tính chất và các từ biểu cảm, từ khái quát.  - Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.  - Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. | **1. Nghe hiểu lời nói**  - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.  **- Truyện: Ba chú heo con**  **- Truyện Chú bé giọt nước**  **- Truyện Ai cho trái ngọt** | **- Truyện “Ba chú heo con”**  **- Truyện Chú bé giọt nước**  **- Truyện Ai cho trái ngọt** | **Chủ đề:**  -**Nước**  **-Ngày và đêm**  **- Giỗ tổ HV** |
| **2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày**  - Phát âm rõ các tiếng Việt.  - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.  - Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.  - Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.  - Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp. | - Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè...  **- Bài thơ Thỏ con và mặt trăng**  **- Bài thơ Mưa**  **- Con gà đỏ mồng**    - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.  **- Truyện Gà trống choai và hạt đậu** | **2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày**  - Phát âm các tiếng của tiếng Việt  **- Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,… trong giao tiếp**  - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.  **- Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại**  - Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè…...  **- Bài thơ Thỏ con và mặt trăng**  **- Bài thơ Mưa**  **- Con gà đỏ mồng**  **- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?**  **- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.** |  |
| **3. Làm quen với việc đọc - viết**  **-** Làm quen với cách sử dụng sách, bút.(T10)  - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống  **- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.** |  | **3. Làm quen với việc đọc - viết:**  **- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau**  - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:  **+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.** |  |